

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2019.

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Anh Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Hòa.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Thái Nguyên*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Tuyết Vân – Kiểm sát viên*

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn: Chị A* - sinh năm 1995 (có mặt)

Cư trú tại: Xóm P, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ *Bị đơn: Anh B* – sinh năm 1985 (vắng mặt)

HKTT: Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có tình hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam và có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn thì anh B trở về Hàn Quốc thì chị A cũng cùng sang Hàn Quốc với anh, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, theo chị A nguyên nhân là do khác biệt về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, khác biệt nhiều về văn hóa nên chị A cảm thấy không thể hòa nhập được cuộc sống ở bên Hàn Quốc đến tháng 3 năm 2018 thì chị trở về Việt Nam. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân với nhau. Thời gian hai người sống ly thân anh B cũng rất ít liên lạc với chị, sau một thời gian suy nghĩ

chị có chủ động liên lạc với anh B nói muốn ly hôn, anh B nói cũng nhất trí. Nay chị A xác định tình cảm không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn anh B gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh B xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân phù hợp với lời khai của chị A. Về quan hệ hôn nhân anh xác định cả hai đều muốn có cuộc sống tự do nên anh cũng nhất trí xin được ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh xác định trong thời gian gần vợ chồng ở với nhau chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh xác định không có.

Hiện nay, do anh ở Hàn Quốc nên anh không thể sang Việt Nam trực tiếp giải quyết nên anh có nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn là người Hàn Quốc, hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, có địa chỉ cụ thể. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có đơn đề nghị gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị A và anh B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sang Hàn Quốc chung sống với nhau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng do về tập quán sinh hoạt và hoàn cảnh sống ở Hàn Quốc khác biệt nhiều so với Việt Nam nên chị A thấy không hòa

nhập và chị A chủ động trở về Việt Nam. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2018, từ đó đến nay vợ chồng rất ít khi liên lạc, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Tại văn bản của anh B gửi về cho Tòa án, anh cũng thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn vì cả hai đều muốn có cuộc sống tự do.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị A xin ly hôn anh B hoàn toàn nhất trí nên cho chị A được ly hôn anh B là phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Cả anh B và chị A đều xác định do thời gian ngắn ở với nhau nên chưa có con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Cả anh B và chị A đều xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

□n phí: Chị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A cho chị A được ly hôn anh B. Con chung, tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng Điều 28, 37, 147, 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; , Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy A được ly hôn anh B.
2. Về con chung: Chưa có.
3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

4. □n phí: Chị A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0008695 ngày 18/3/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Anh Dân